

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2021

V/v “*Không công nhận là vợ chồng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Trung Kiên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Hằng**

2. Bà **Thạch Thị Lan Nhung**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Cương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2021 về “*Không công nhận là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị A**. Sinh năm: 1973.

Địa chỉ: tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện H, Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông **Hà Văn B**. Sinh năm: 1973.

Địa chỉ: tổ dân phố V, thị trấn Đ, huyện H, Lâm Đồng.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai bà Nguyễn Thị A trình bày:

Năm 1993, bà và ông B chung sống với nhau như vợ chồng tại xã Yên Dưỡng, huyện Sông Thao (nay là huyện Cẩm Khê), tỉnh Phú Thọ, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến năm 1999, thì bà và ông B vào lập nghiệp tại thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng đến nay. Cuộc sống chung đôi lúc cũng có những mâu thuẫn nảy sinh nhưng đều giải quyết được. Tuy nhiên từ tháng 01/2019 đến nay mâu thuẫn của bà và ông B trở nên trầm trọng, bà và ông B

thường xuyên xô xát, to tiếng, hai bên không tìm được tiếng nói chung, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do hai bên có quá nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống, quan điểm sống. Hai bên đã nhiều lần nói chuyện nhằm hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Đến nay, bà xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên bà đề nghị Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa bà và ông B theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà xác định bà và ông B có 03 con chung là Hà Thị A1, sinh năm 1994; Hà Văn A2, sinh năm 1996 và Hà Thị A3, sinh năm 1998. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị A không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản tự khai ngày 22/4/2021, bị đơn ông Hà Văn B trình bày:

Ông chung sống như vợ chồng với bà Nguyễn Thị A vào năm 1993, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như bà Lê trình bày. Nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa ông và bà A thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Ông và bà A có 03 con chung như bà A trình bày là hoàn toàn đúng. Các con đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà A không có nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngoài ra, ông Hà Văn B không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa:

Bà A khai bà và ông B có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Dương, huyện Sông Thao (nay là huyện Cẩm Khê), tỉnh Phú Thọ nhưng do thay đổi chỗ ở nên giấy chứng nhận kết hôn đã bị mất. Bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông B đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, của Hội đồng xét xử; sự chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị A, không công nhận bà Nguyễn Thị A và ông Hà Văn B là vợ chồng. Về án phí: bà A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà A và ông B xây dựng gia đình với nhau vào năm 1993, trên cơ sở tự nguyện. Tại đơn ly hôn và bản tự khai bà A đều khai vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên tại phiên tòa bà A khai năm 1993 vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Dưỡng, huyện Sông Thao (nay là huyện Cẩm Khê), tỉnh Phú Thọ nhưng giấy chứng nhận kết hôn đã mất, bà không có giấy chứng nhận kết hôn để cung cấp cho Tòa án, còn ông Toàn thì không nhớ là vợ chồng có đăng ký kết hôn hay không. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ, xác minh việc đăng ký kết hôn của vợ chồng ông B, bà A tại UBND xã An Dưỡng, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Kết quả xác minh không xác định được khoảng thời gian từ năm 1993 đến năm 1999, bà A và ông B có đăng ký kết hôn hay không. Do vậy, cần xác định trường hợp của bà A và ông B là không đăng ký kết hôn. Do hôn nhân của bà A, ông B xác lập sau ngày 03/01/1987 (Ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực thi hành) nhưng các bên không đăng ký kết hôn, nay do mâu thuẫn phát sinh bà A yêu cầu giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông B. Tòa án đã vận động tuy nhiên bà A không đồng ý rút đơn khởi kiện. Tại phiên tòa, cả bà A và ông B đều xác định không thể tiếp tục chung sống vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của bà A, tuyên bố không công nhận bà A và ông B là vợ chồng là phù hợp.

[2] *Về con chung*: Bà A và ông B có 03 con chung là Hà Thị A1, sinh năm 1994; Hà Văn A2, sinh năm 1996 và Hà Thị A3, sinh năm 1998. Hiện nay, các con chung của bà A và ông B đều đã trên 18 tuổi, bà A và ông B đều xác định các con khỏe mạnh và phát triển bình thường nên Tòa án không đặt ra để giải quyết mà đây là trách nhiệm làm cha, làm mẹ của bà A và ông B với các con.

[3] *Về tài sản chung*: Bà A và ông B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[4] *Về nợ chung*: Các đương sự đều xác định không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Bà A phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc khởi kiện không công nhận vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị A, tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị A và ông Hà Văn B là vợ chồng.

[2] Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0015288 ngày 22/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Bà Nguyễn Thị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/6/2021) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trung Kiên